

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1089/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2019

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 216/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị V, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số 21A đường 460, tổ 10, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh M, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 21A đường 460, tổ 10, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn xin ly hôn ngày 22/10/2018 và tại phiên tòa ngày 30/9/2019, nguyên đơn bà Đặng Thị V trình bày sự việc như sau:

Bà (Đặng Thị V) và ông Huỳnh M kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 49, quyền số I/2006, đăng ký ngày 31/3/2006.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng bà rất hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2015, vợ chồng bà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau do chồng bà ăn nhậu về hay kiếm chuyện vợ con, không quan tâm gì vợ con, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể cứu vãn được nữa. Vợ chồng bà sống ly thân đã hơn 01 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc, thương yêu nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông M.

Trước khi kết hôn với ông M, bà đã có 01 người con riêng.

Về con chung: Bà và ông M có 03 con chung, tên là: Huỳnh Đăng Gia B, sinh ngày 24/12/2001, Huỳnh Đăng Gia T, sinh ngày 17/6/2000, Huỳnh Đăng Gia An, sinh ngày 21/9/2007. Khi ly hôn, các con do bà nuôi dưỡng, không cần ông M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Huỳnh M đều vắng mặt nên không có lời khai của ông M.

* Đại diện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị V:

1. Bà V được quyền ly hôn với ông M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49 quyển số I/2006 ngày 31/3/2006 do Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi cấp cho bà V và ông M không còn giá trị pháp lý.

2. Giao các con chung Huỳnh Đăng Gia B, Huỳnh Đăng Gia A cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Huỳnh M hiện đang ở tại địa chỉ: Tổ 10, ấp Thanh An, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí M theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tiến hành niêm yết: Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 216/TB-TLVA ngày 28/02/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 216/TB-TA ngày 17/5/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 286/TB-TA ngày 22/7/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2019, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Huỳnh M vắng mặt mà không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử V mặt ông M.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị V về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Huỳnh M, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Đặng Thị V và ông Huỳnh M kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 49, quyển số I/2006, đăng ký ngày 31/3/2006, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời bà V trình bày thì trước khi kết hôn với ông M, bà có 01 người con riêng. Sau khi kết hôn với ông M, thời gian đầu bà và ông M sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2015, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau do chồng bà đi nhậu về hay kiếm chuyện với vợ con, không quan tâm gì gia đình, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể cứu vãn được nữa. Bà và ông M sống ly thân đã hơn 01 năm nay và hai bên không còn quan tâm chăm sóc, thương yêu nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông M.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông M đều không có mặt mà không có lý do, điều này thể hiện ông M không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà V.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, tạo dựng hạnh phúc

gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà V và ông M có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân đã hơn 01 năm nay, hôn nhân giữa bà V và ông M không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà V là xin được ly hôn với ông M là có cơ sở.

- Về con chung:

Bà V và ông M có 03 con chung, tên là: Huỳnh Đăng Gia T, sinh ngày 17/6/2000; Huỳnh Đăng Gia B, sinh ngày 24/12/2001; Huỳnh Đăng Gia A, sinh ngày 21/9/2007. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được nuôi 03 con chung, không cần ông M cấp dưỡng.

Do con chung của bà V và ông M là Huỳnh Đăng Gia T, sinh ngày 17/6/2000, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với 02 trẻ Huỳnh Đăng Gia B, sinh ngày 24/12/2001 và Huỳnh Đăng Gia A, sinh ngày 21/9/2007, đều có nguyện vọng được sống với bà V. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, cần giao 02 trẻ Bình và An cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Tại phiên tòa, bà V không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Tài sản chung:

Bà V khai về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà V khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà V phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị V.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Thị V được quyền ly hôn với ông Huỳnh M.

- Về con chung:

Bà V và ông M có 03 con chung, tên là:

Huỳnh Đặng Gia T, sinh ngày 17/6/2000 (đã thành niên);

Huỳnh Đặng Gia B, sinh ngày 24/12/2001;

Huỳnh Đặng Gia A, sinh ngày 21/9/2007.

Bà V được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, tên là: Huỳnh Đặng Gia B, sinh ngày 24/12/2001 và Huỳnh Đặng Gia A, sinh ngày 21/9/2007.

Bà V không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung:

Bà V khai về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà V khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà V phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008065 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà V đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự V mặt tại phiên tòa (ông Huỳnh M) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Trung An, H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương